

Số: 324/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (say đây gọi tắt là Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh nhằm xác định, lập danh sách, phân loại chính xác, đầy đủ số liệu, thông tin cơ bản về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều để có cơ sở xây dựng kế hoạch, giải pháp giảm nghèo và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm 2025;

b) Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình nhằm thống kê và lập được danh sách hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để hỗ trợ mức đóng thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách khác theo quy định.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH và đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích, cũng như lợi dụng chính sách liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo để trục lợi làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương;

d) Lực lượng rà soát viên là người nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn, sử dụng thành thạo thiết bị thông minh (điện thoại thông minh, máy tính bảng,...), trực tiếp đến từng hộ gia đình để quan sát, khảo sát, thu thập thông tin của hộ gia đình;

đ) Kết thúc rà soát phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, công nhận, lưu giữ, theo dõi, quản lý.

II. TIÊU CHÍ VÀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU; CHUẨN HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH; ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Tiêu chí và chuẩn nghèo đa chiều; chuẩn hộ có mức sống trung bình

Tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A)

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng tương đương với 140 điểm;

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng tương đương với 175 điểm.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

STT	Dịch vụ xã hội cơ bản	Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
1	Việc làm	(1) việc làm
		(2) người phụ thuộc trong hộ gia đình
2	Y tế	(3) dinh dưỡng
		(4) bảo hiểm y tế

STT	Dịch vụ xã hội cơ bản	Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
3	Giáo dục	(5) trình độ giáo dục của người lớn
		(6) tình trạng đi học của trẻ em
4	Nhà ở	(7) chất lượng nhà ở
		(8) diện tích nhà ở bình quân đầu người
5	Nước sinh hoạt và vệ sinh	(9) nguồn nước sinh hoạt
		(10) nhà tiêu hợp vệ sinh
6	Thông tin	(11) sử dụng dịch vụ viễn thông
		(12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

STT	Chuẩn	Mức thu nhập bình quân; chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản	
		Khu vực nông thôn	Khu vực thành thị
1	Hộ nghèo	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Tương ứng mức điểm: A ≤ 140 điểm và B ≥ 30 điểm	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Tương ứng mức điểm: A ≤ 175 điểm và B ≥ 30 điểm
2	Hộ cận nghèo	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Tương ứng mức điểm: A ≤ 140 điểm và B < 30 điểm	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Tương ứng mức điểm: A ≤ 175 điểm và B < 30 điểm

b) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

STT	Chuẩn	Mức thu nhập bình quân	
		Khu vực nông thôn	Khu vực thành thị
1	Hộ có mức sống trung bình	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

2. Đối tượng, phạm vi rà soát

2.1. Đối tượng rà soát

a) Toàn bộ hộ gia đình có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 do UBND xã, phường, thị trấn đang quản lý;

b) Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Lưu ý: Ngoài các điều kiện để nhận diện nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Phiếu A - Nhận dạng nhanh hộ gia đình - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, căn cứ thực trạng đời sống và công tác quản lý dân cư tại địa phương để xem xét, xác định trường hợp sau cũng không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

“Hộ gia đình có từ 02 nhân khẩu trở lên, trong đó có 02 thành viên trở lên trong độ tuổi lao động có sức khỏe tốt, có khả năng lao động”.

c) Các hộ gia đình làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp đang sinh sống trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về cư trú có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình.

2.2. Phạm vi rà soát: Thực hiện tại 141 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (trong đó: khu vực thành thị gồm các đơn vị hành chính là thị trấn, phường; khu vực nông thôn gồm các đơn vị hành chính là xã)

III. PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH, THỜI GIAN

1. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

b) Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình;

c) Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Sử dụng ứng dụng (App) rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (đã được sử dụng trong năm 2022, 2023) để triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

2. Quy trình rà soát

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ

nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

3. Thời gian

3.1. Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thực hiện từ ngày 01/9/2024 đến hết ngày 14/12/2024

3.2. Đối với việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình

Tổ chức xác định mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hàng tháng (tổ chức xác định nếu trong tháng có giấy đề nghị xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình).

Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, tổng hợp, báo cáo kết quả việc xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

IV. NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN: Phụ lục chi tiết đính kèm

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: là cơ quan thường trực tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế các nội dung chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn các địa phương triển khai kế hoạch rà soát; thống nhất các biểu mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh;

b) Ban hành bộ Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức triển khai Kế hoạch và Tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện; cung cấp Tài liệu hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình cho điều tra viên, giám sát viên các ngành, các cấp tham gia rà soát trên địa bàn toàn tỉnh;

d) Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nếu có thay đổi thành viên);

đ) Chịu trách nhiệm nghiệm thu trực tiếp 100% dữ liệu sau khi kết thúc rà soát để cập nhật vào cơ sở dữ liệu giảm nghèo của tỉnh và cơ sở dữ liệu giảm nghèo chung của quốc gia; lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng hợp,

báo cáo các biểu mẫu rà soát theo quy định để phục vụ việc kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

e) Báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 và trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả chính thức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 của tỉnh theo quy định.

2. Cục Thống kê tỉnh

a) Phối hợp, cung cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu sau rà soát;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội huy động nhân lực của ngành để hỗ trợ kỹ thuật cho việc rà soát trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch đối với các đơn vị do cấp tỉnh quản lý, triển khai kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình;

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc xây dựng, triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh;

c) Hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm phục vụ cho công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 khi có yêu cầu.

5. Công an tỉnh

a) Phối hợp, cung cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các thông tin, số liệu liên quan đến số hộ, số nhân khẩu của các địa phương tại thời điểm rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu sau rà soát;

b) Phối hợp, hỗ trợ xác thực thông tin hộ gia đình được rà soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đảm bảo thông tin thu thập, rà soát được chính xác, đầy đủ trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt, công bố.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Hỗ trợ việc xác thực thông tin về chính sách bảo hiểm y tế đối với các thành viên hộ gia đình được rà soát khi có yêu cầu;

b) Phối hợp thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình sau khi kết quả rà soát, xác định được cấp có thẩm quyền công nhận, phê duyệt, công bố.

7. Ban Dân tộc tỉnh: Phối hợp với các địa phương, ngành liên quan giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

a) Chỉ đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp tổ chức thành lập tại các xã, phường, thị trấn một lực lượng thanh niên tình nguyện là Bí thư các chi đoàn thôn, tổ dân phố để tham gia hỗ trợ việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại các địa phương. Lập danh sách lực lượng thanh niên tình nguyện gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25/8/2024 để tổng hợp, căn cứ tổ chức tập huấn;

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất danh sách thanh niên tình nguyện tham gia tập huấn, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

c) Tăng cường phổ biến, tuyên truyền đến các cấp bộ Đoàn và đoàn viên thanh niên về mục đích, ý nghĩa của việc rà soát để đoàn viên thanh niên biết tham gia hưởng ứng.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

9.1. Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (hoặc Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện), các phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã):

a) Xây dựng và trình Chủ tịch UBND cấp huyện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn;

b) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các điều tra viên, giám sát viên;

c) Tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn;

d) Phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo, cơ quan liên quan giám sát việc rà soát trên địa bàn;

đ) Tổ chức thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã gửi lên; trường hợp thấy kết quả rà soát, xác định chưa phản ánh đúng với tình hình thực tế của địa phương hoặc khi có đơn thư khiếu nại..., kịp thời tổ chức phúc tra lại trước khi tham mưu UBND cấp huyện phê duyệt kết quả;

e) Trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024. Sau đó thông báo cho Chủ tịch UBND cấp xã công nhận; tham mưu UBND cấp huyện báo cáo sơ bộ, chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 cho UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo đúng thời gian quy định;

g) Tổng hợp, báo cáo kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình;

h) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

9.2. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch: Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp,

diêm nghiệp có mức sống trung bình trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

9.3. Sử dụng ngân sách địa phương để bố trí kinh phí triển khai kế hoạch đối với các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

9.4. Phối hợp, thống nhất với Ban Thường vụ các huyện, thị và thành Đoàn chỉ đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp tổ chức thành lập tại các xã, phường, thị trấn một lực lượng thanh niên tình nguyện là Bí thư các chi đoàn thôn, tổ dân phố để tham gia hỗ trợ việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại các địa phương. Lập danh sách lực lượng thanh niên tình nguyện gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25/8/2024 để tổng hợp, căn cứ tổ chức tập huấn.

10. UBND các xã, phường, thị trấn

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn;

b) Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát;

c) Phối hợp, thống nhất với Ban Thường vụ Đoàn xã/phường/thị trấn lựa chọn lực lượng thanh niên tình nguyện là Bí thư các chi đoàn thôn, tổ dân phố để tham gia hỗ trợ việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại địa phương. Lập danh sách lực lượng thanh niên tình nguyện gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20/8/2024 để tổng hợp;

d) Tổ chức lực lượng rà soát viên và thực hiện công tác rà soát trên địa bàn theo quy định;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy định; quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định;

g) Lập danh sách hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình để theo dõi, quản lý, làm cơ sở thực hiện các chính sách có liên quan; Tổng hợp, báo cáo kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

h) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Thừa Thiên Huế và các cơ quan thông tin báo chí trên địa bàn tỉnh: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò

trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và của người dân về tầm quan trọng, mục đích ý nghĩa của công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Căn cứ các nội dung tại Kế hoạch này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục thống kê tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai các nội dung liên quan và thực hiện chế độ báo cáo theo đúng thời gian quy định.

2. Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo cấp huyện báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo đúng thời gian quy định tại mục IV để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, giám sát và báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày **30/11/2024**.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
 - VPQG về Giảm nghèo;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các cơ quan, đơn vị nêu tại Mục VI;
 - VP: CVP, các PCVP;
 - Lưu: VT, XH.
- } (để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục

Thời gian, nội dung hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động	Cơ quan, đơn vị thực hiện
1	Từ ngày 15/8/2024 đến ngày 25/8/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024; - Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch; tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho các thành viên BCD cấp tỉnh, cấp huyện; - Biên soạn, in ấn tài liệu cấp phát cho Giám sát viên và Điều tra viên các cấp; - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh; - Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch kinh phí triển khai 	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Từ ngày 05/11/2024 đến ngày 30/11/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu BCD cấp tỉnh tổ chức phúc tra, thẩm định kết quả rà soát do cấp huyện gửi lên; - Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11/2024; - Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 30/11/2024 	

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động	Cơ quan, đơn vị thực hiện
3	Từ ngày 20/8/2024 đến ngày 30/8/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; - Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho cấp xã và điều tra viên, giám sát viên. 	Các huyện, thị xã và thành phố Huế
4	Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 25/11/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định kết quả rà soát do cấp xã gửi lên; - Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 10/11/2024; - Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25/11/2024. 	
5	Từ ngày 01/12/2024 đến ngày 25/12/2024	Tổng hợp, báo cáo kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25/12/2024	
6	Từ ngày 10/8/2024 đến ngày 20/8/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Kế hoạch chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, tổ. 	Các xã, phường, thị trấn
7	Từ ngày 01/9/2024 đến ngày 20/11/2024	- BCD cấp xã tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát;	

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động	Cơ quan, đơn vị thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 05/11/2024; - Tổng hợp kết quả rà soát chính thức và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 20/11/2024; 	
8	<p style="text-align: center;">Từ ngày 01/12/2024 đến ngày 20/12/2024</p>	<p>Tổng hợp, báo cáo kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cho UBND cấp huyện trước ngày 20/12/2024</p>	<p style="text-align: center;">Các xã, phường, thị trấn</p>
9	<p style="text-align: center;">Từ ngày 01/9/2024 đến 30/11/2024</p>	<p>Giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được BCD các cấp phối hợp thực hiện từ khâu lập danh sách đối tượng cần rà soát đến việc thực hiện rà soát, công bố, ra quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.</p>	<p style="text-align: center;">Cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh</p>